

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH304**

**BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM**

Kỳ III năm học 2014-2015

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lường	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
1	DTK1151010003	Hoàng Long	An	9/2/1993						9	B	B	B	1.1	Thiếu Ban
2	K135520216285	Vũ Thị	An	29/08/95	8			8						1.6	Thiếu Ban
3	DTK0951020647	Nguyễn Hùng	Anh	2/12/1991						8	7	6	6	3.4	Thiếu Ban
4	DTK1051020331	Nguyễn Tuấn	Anh	25/01/92	7		5	6	8					2.6	Thiếu Ban
5	DTK1151020004	Đinh Ngọc	Anh	10/8/1993							6			0.8	Thiếu Ban
6	DTK1151020410	Hoàng Thế	Anh	4/11/1992	8	7		5						2.0	Thiếu Ban
7	K125140214009	Nguyễn Thị Châm	Anh	25/05/94	9	5	8	7	7					3.6	Thiếu Ban
8	K125520201008	Nguyễn Tuấn	Anh	16/07/94	b		8							0.8	Thiếu Ban
9	K125520201077	Nguyễn Tuấn	Anh	29/03/94	6	6		6	7					2.5	Thiếu Ban
10	K125520201145	Đào Vũ	Anh	30/11/94	4	7	4	6	6					2.7	Thiếu Ban
11	K125520201155	Lê Tuấn	Anh	10/1/1993	7	7	8	6	7					3.5	Thiếu Ban
12	K125520201228	Hoàng Duy	Anh	27/09/94	6	8	6	6	6	8			7	5.1	Thiếu Ban
13	K125520207045	Hoàng Yên	Anh	22/08/94	8	8	7	8	7					3.8	Thiếu Ban
14	K125520216272	Trần Việt	Anh	4/7/1993	7	8	8	7	7					3.7	Thiếu Ban
15	K125140214020	Đổng Thị Ngọc	Ánh	19/08/93	7		7	7	8	4			8	4.4	Thiếu Ban
16	LAOS115011	Sonpaseuth	Aounphimpha	23/02/94	7	8		7						2.2	Thiếu Ban
17	1141100024	Vì Văn	Ba	30/07/90	6	7	6	5						2.4	Thiếu Ban
18	K125520216219	Liều Văn	Bảo	16/07/94	8	8	8	5	7					3.6	Thiếu Ban
19	LAOS095004	Phanthavong	Batsomboun	4/5/1992	7	5	8	6	5					3.1	Thiếu Ban
20	DTK1151030180	Vũ Ngọc	Bình	3/2/1993	6	5	7	8	7	8	6	8	7	6.9	Đạt
21	K125520207002	Nguyễn Danh	Bình	9/8/1994	9	6	7	8		9	8	7	6	6.8	Thiếu Ban
22	K125520216007	Nguyễn Văn	Bình	6/4/1994	7	7	5	7		7	7	B	8	5.4	Thiếu Ban
23	K125520216008	Hoàng Văn	Bình	29/06/93	7	8	5	5	6	8	6	7	7	6.6	Đạt
24	K125520216115	Lê Xuân	Bình	9/10/1993	4	3	8	7			8		6	4.0	Thiếu Ban
25	K125520216218	Trần Văn	Bình	22/05/93	8	7	4	4	7					3.0	Thiếu Ban
26	K125520207115	Vì Văn	Bộ	9/5/1992	7	8	8	6	6					3.5	Thiếu Ban
27	K125520216275	Lương Như	Bộ	16/03/94	6	8	6		8	6	B	6	8	5.3	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
28	K125520201231	Bùi Văn	Cảnh	26/05/94	5	5	7	6	8	8	8	8	7	7.0	Đạt
29	K125520201012	Hoàng Văn	Cạnh	20/10/94	7	5	6	6	7					3.1	Thiếu Ban
30	CPC105002	Chao	Chanmakara	21/01/93	7			7						1.4	Thiếu Ban
31	K125520216013	Đoàn Đức	Chí	30/08/93	6	8	8	7	6	B	7	6	7	6.0	Thiếu Ban
32	K125520216121	Nguyễn Văn	Chí	21/02/94		5	7	7	7					2.6	Thiếu Ban
33	K125520201014	Lăng Văn	Chi	23/01/94	7	7	5	7	8					3.4	Thiếu Ban
34	K125520114068	Nguyễn Văn	Chiến	5/6/1994						8	8	6	7	3.6	Thiếu Ban
35	K125520201235	Triệu Văn	Chiến	3/1/1994	6	7	3	6						2.2	Thiếu Ban
36	K125520216277	Nguyễn Đình	Chiến	5/2/1994	6	6	7	6	7	6			8	5.0	Thiếu Ban
37	K125520201082	Linh Thị	Chinh	23/05/94	7	6	5	6	6					3.0	Thiếu Ban
38	K125520214002	Nguyễn Việt	Chinh	6/3/1994						8	B	7	7	2.8	Thiếu Ban
39	K125520201162	Đỗ Văn	Chúc	19/04/93	8	8	8	6	7	8				4.7	Thiếu Ban
40	DTK1151030073	Đặng Đình	Chung	19/10/93				7						0.7	Thiếu Ban
41	DTK1151030009	Hoàng Huy	Chương	25/08/93	7		7	7	8			7		3.8	Thiếu Ban
42	K135520201139	Trần Văn	Chương	10/1/1995		5			8					1.3	Thiếu Ban
44	DTK1151020123	Đặng Văn	Chuyên	16/06/93	7	6		7	6					2.6	Thiếu Ban
45	K125520201011	Phùng Văn	Côn	11/5/1994	5	7	7	7	7	9	6	7		6.1	Thiếu Ban
46	DTK1151020181	Nguyễn Thành	Công	14/07/93	8	b	5	5	8		7	7		4.4	Thiếu Ban
47	DTK1151030183	Đinh Văn	Công	27/07/92	7	7	8	7	7					3.6	Thiếu Ban
48	K125520207005	Vy Văn	Cốt	25/02/94	7	8	6	7	6	9	8	7	6	7.2	Đạt
49	K125520207053	Nguyễn Thị	Cúc	25/05/94	6	5	7	7	8					3.3	Thiếu Ban
50	K125520201080	Lại Tiến	Cương	3/10/1994	5	7	7		5			B		2.4	Thiếu Ban
51	K125520207050	Mai Biên	Cương	20/01/94	7	7	7	8	6					3.5	Thiếu Ban
52	DTK0951010161	Hà Hữu	Cường	14/10/91			5			4				1.0	Thiếu Ban
53	K125520103177	Nguyễn Mạnh	Cường	30/06/94	8		5	6	7			7		3.5	Thiếu Ban
54	K125520201013	Trần Văn	Cường	1/10/1994	7	8	7	6	7					3.5	Thiếu Ban
55	K125520201232	Nguyễn Văn	Cường	6/11/1993	8	5	8	8	7					3.6	Thiếu Ban
56	K125520201234	Đỗ Văn	Cường	24/12/94	5	6	2	6						1.9	Thiếu Ban
57	K125520207003	Nguyễn Văn	Cường	2/2/1994	6	6	6	7	7					3.2	Thiếu Ban
58	K125520216009	Bàng Minh	Cường	27/08/94	7	8		6	6					2.7	Thiếu Ban
59	K125520216118	Nguyễn Khắc	Cường	14/02/94	9	5	7	7	7					3.5	Thiếu Ban
60	K125520216276	Hoàng Mạnh	Cường	10/8/1994	B		B	8	6					1.4	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
61	K125520201241	Trình Hoàng	Đại	16/06/94			3							0.3	Thiếu Ban
62	K125520216226	Hoàng Ngọc	Đại	24/01/94	7	7	3	7	8	4	7	8	5	6.2	Đạt
63	K125520201002	Lê Thế	Đảm	13/04/94	9	8	7	6	7	8			7	5.6	Thiếu Ban
64	K125520216101	Chu Thúc	Đạo	20/11/94	5	7	7	7	6	B			7	4.1	Thiếu Ban
65	DTK1151020300	Vũ Văn	Đạt	2/9/1993	7		7	6	8	8			8	4.8	Thiếu Ban
66	DTK1151020359	Nguyễn Trọng	Đạt	22/02/93	6	5	8	6	8	8	7	7	6	6.8	Đạt
67	K125520201003	Nguyễn Huyền	Đạt	29/01/94	7	5	7	6	7					3.2	Thiếu Ban
68	K125520201071	Vi Văn	Đạt	19/11/94	6	7	4		5					2.2	Thiếu Ban
69	K125520207039	Phùng Đức	Đạt	4/3/1993	7	5	7	6	6					3.1	Thiếu Ban
70	K125520216003	Nguyễn Đăng	Đạt	11/11/1994	7	6		5	7					2.5	Thiếu Ban
71	K125520216227	Vũ Lạnh	Đạt	13/09/94	3	6	6	4	9					2.8	Thiếu Ban
72	K125520216282	Bùi Đức	Đạt	19/07/94	7	5	B	6	6		7	6		4.0	Thiếu Ban
73	DTK1151020292	Nguyễn Đức	Đích	12/1/1992	7		7	b	7					2.1	Thiếu Ban
74	1141100014	Lò Văn	Diêm	8/9/1991	7	7	7	7	7		8	7		5.4	Thiếu Ban
75	DTK1151010610	Bùi Hoàng	Diệp	8/11/1993									6	0.8	Thiếu Ban
76	K125140214019	Hoàng Văn	Diệp	16/04/94	6			6	8					2.0	Thiếu Ban
77	K125520216283	Trần Minh	Diệp	20/10/93	6	6	6		7	KĐ	8	9	5	5.3	Thiếu Ban
78	DTK1151020061	Hoàng Văn	Định	24/06/93	7		6	6	7	8			8	4.6	Thiếu Ban
79	K125520201247	Phùng Văn	Định	23/08/94	6	5	7	5	8	8	8	8	8	7.1	Đạt
80	K125520216172	Trần Bảo	Định	29/08/94	7	5	6	7	7	7			7	5.0	Thiếu Ban
81	K125520201165	Trần Thị Thanh	Dịu	20/08/94	5		7	7	6		7	8		4.4	Thiếu Ban
82	K125520201004	Trần Văn	Độ	18/07/94	8	6	7	5	6					3.2	Thiếu Ban
83	K125520201072	Nguyễn Văn	Độ	13/11/94	7	8	7	6	6					3.4	Thiếu Ban
84	K125520201005	Trần Công	Đoàn	1/10/1994	6		7	7	7					2.7	Thiếu Ban
85	K125520201073	Nguyễn Bá	Đoàn	11/10/1993	8	6	6	6	6		8	7		5.1	Thiếu Ban
86	K125520201169	Lê Văn	Đoàn	20/06/94	7	8		7	5		6	8		4.5	Thiếu Ban
87	K125520216083	Nguyễn Văn	Doanh	12/8/1994	7	5	7	7	6	8	8	8	6	7.0	Đạt
88	K125520103337	Tổng Văn	Đông	7/11/1994	7		7	7	7					2.8	Thiếu Ban
89	K125520216281	Hà Văn	Đông	19/10/94	6	6	7	7	7		8		8	5.3	Thiếu Ban
90	DTK0851050011	Nguyễn Văn	Đồng	22/07/89	8		7	6	7					2.8	Thiếu Ban
91	K125520216125	Khương Văn	Dự	2/10/1993	9	7	7	7	8					3.8	Thiếu Ban
92	K125520216126	Nguyễn Quang	Duẩn	15/05/94	7	6	7	5	7					3.2	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
93	DTK1051010341	Nguyễn Việt	Đức	21/04/92						8	7	8	B	2.9	Thiếu Ban
94	DTK1051020347	Nguyễn Văn	Đức	19/02/92	7		5	7		7				2.8	Thiếu Ban
95	DTK1151020302	Nguyễn Đức	Đức	26/01/93						7			7	1.8	Thiếu Ban
96	K125520201074	Nguyễn Văn	Đức	26/10/94	6		8	6	7					2.7	Thiếu Ban
97	K125520201075	Bùi Văn	Đức	28/06/93	6	6	7	7	8					3.4	Thiếu Ban
98	K125520216090	Nguyễn Văn	Đức	10/10/1994	7	8	5	7	8					3.5	Thiếu Ban
99	K125520216096	Nguyễn Trung	Đức	5/3/1994	6	6	4	7	b		7	7		4.1	Thiếu Ban
100	K125520216107	Phạm Công	Đức	8/10/1994						8		7	B	1.9	Thiếu Ban
101	DTK1051020339	Trần Tuấn Anh	Dũng	18/10/92				B	7					0.7	Thiếu Ban
102	DTK1151030125	Nguyễn Văn	Dũng	22/02/93							1			0.1	Thiếu Ban
103	K125520201084	Lê Tiến	Dũng	3/7/1994	6	8	5	6	7		8	8		5.2	Thiếu Ban
104	K125520201085	Nguyễn Văn	Dũng	1/7/1994	7	7	5	7	7		7	7		5.1	Thiếu Ban
105	K125520216014	Lê Anh	Dũng	26/08/94		7	7	8		7	7	6	8	5.7	Thiếu Ban
106	K125520216082	Mê Tiến	Dũng	9/10/1993	4	8	6	8	6	B			8	4.2	Thiếu Ban
107	K125520216123	Lê Anh	Dũng	6/2/1994	7	7	7	8	6					3.5	Thiếu Ban
108	K125520216223	Hà Anh	Dũng	4/8/1994	4	6	7	6	9					3.2	Thiếu Ban
109	DTK1151020071	Nguyễn Văn	Dương	10/4/1993	7									0.7	Thiếu Ban
110	K125520201083	Đỗ Văn	Dương	8/11/1994	6	7	3	6	9					3.1	Thiếu Ban
111	K125520201236	Trịnh Văn Anh	Dương	6/2/1993	8	7	8	7	7					3.7	Thiếu Ban
112	DTK1151020244	Trần Khương	Duy	17/02/93		B	7	6						1.3	Thiếu Ban
113	K125520201166	Hoàng Văn	Duy	29/12/94	7	6	8	6	8					3.5	Thiếu Ban
114	K125520201239	Lê Tiến	Duy	10/5/1993	5	7	7	8	8		8			4.5	Thiếu Ban
115	K125520201308	Thân Quang	Duy	10/9/1994	8	7	B	6	6	7	5		7	5.1	Thiếu Ban
116	K125520216128	Phạm Văn	Duy	18/06/94			6	B	B					0.6	Thiếu Ban
117	K125520201139	Nguyễn Trọng	Giang	24/09/94	5	6	6	7	7	5		8	6	5.5	Thiếu Ban
118	K125520201149	Nguyễn Trường	Giang	4/4/1993	7	8	6	8	6					3.5	Thiếu Ban
119	K125520216229	Đông Ngọc	Giáp	5/11/1993	5	8	5	8	7	9	7	8		6.3	Thiếu Ban
120	K125520216285	Lê Xuân	Giáp	5/4/1994	6	5	7	6	7		7		8	5.0	Thiếu Ban
121	DTK1151010671	Kiều Mạnh	Hà	23/07/92						4	8		4	2.0	Thiếu Ban
122	K125520201248	Lương Văn	Hà	19/07/93	6	8	8	6	8	KĐ				3.6	Thiếu Ban
123	K125520201249	Nguyễn Lương	Hà	1/5/1993	7	6	7	7	6					3.3	Thiếu Ban
124	K125520207009	Nguyễn Xuân	Hà	9/5/1994		7	7	6	8					2.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
125	K135520207061	Hà Thu	Hà	21/01/95			8		7					1.5	Thiếu Ban
126	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	13/10/91						8	B	B	7	1.9	Thiếu Ban
127	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	16/03/91							6		8	1.8	Thiếu Ban
128	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91						9	6	B	7	2.8	Thiếu Ban
129	DTK1051030230	Đỗ Xuân	Hải	30/09/91	B				B	8				1.0	Thiếu Ban
130	K125520201019	Đinh Hữu	Hải	16/06/94	8	7	7	6	7			7		4.4	Thiếu Ban
131	K125520201177	Quách Văn	Hải	23/05/93	7	7	7	7	B					2.8	Thiếu Ban
132	K125520216230	Nguyễn Ngọc	Hải	25/10/94	8	6	8	5	8		6	7		5.1	Thiếu Ban
133	K125520201086	Nguyễn Thị	Hằng	29/12/94	8	8	8	6	6		6	8		5.4	Thiếu Ban
134	DTK1151030129	Phùng Đức	Hạnh	14/07/93	B							7		0.9	Thiếu Ban
135	K125520216299	Nhữ Thị	Hạnh	25/05/93	7	8	8	7	6	KĐ	8			4.6	Thiếu Ban
136	K125520201087	Nguyễn Văn	Hào	13/12/89	6	7	5	6	8					3.2	Thiếu Ban
137	K125520201251	Bùi Văn	Hào	18/07/94	8	6	7	6	8				4	4.0	Thiếu Ban
138	K135520207014	Đào Thị	Hào	12/9/1995	9		8							1.7	Thiếu Ban
139	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	23/03/94	9	8	3	7	6	8	6	7	7	6.8	Đạt
140	K125520201089	Trần Văn	Hiên	8/2/1994	4	7	6	5	6					2.8	Thiếu Ban
141	K125520201089	Trần Văn	Hiên	8/2/1994							6	7		1.6	Thiếu Ban
142	K125140214004	Phạm Thị	Hiên	2/8/1994	6	8	6	6	7					3.3	Thiếu Ban
143	K125520207012	Nguyễn Thị	Hiên	25/07/93	8	8	5	6	7					3.4	Thiếu Ban
144	K125520216288	Nguyễn Tiến	Hiên	12/2/1994	8	5	7	7	7					3.4	Thiếu Ban
145	DTK1151020192	Lê Lương	Hiệp	17/07/93	7		7	6	8		7	7		4.6	Thiếu Ban
146	DTK1151020251	Nguyễn Tuấn	Hiệp	18/05/93						8	8	7	7	3.8	Thiếu Ban
147	K125520201255	Trần Hoàng	Hiệp	25/03/94	7	6	7	6	8	8			7	5.3	Thiếu Ban
148	K125520207013	Bùi Huy	Hiệp	13/06/94	7	7	8	7	6	9	7	7		6.4	Thiếu Ban
149	K125520216022	Phạm Văn	Hiệp	28/06/93	9	7	5	7	7	7	6	7	6	6.8	Đạt
150	K125520216132	Trần Xuân	Hiệp	19/02/94	5	7	7	6	6	8		6	7	5.7	Thiếu Ban
151	K125520216300	Nguyễn Hoàng	Hiệp	1/9/1993	5	7	6	B	7					2.5	Thiếu Ban
152	DTK0851050024	Vũ Bá	Hiếu	21/03/90	8		8	7	7			6		3.8	Thiếu Ban
153	DTK0851050075	Nguyễn Văn	Hiếu	19/05/90	B		7	7	6					2.0	Thiếu Ban
154	DTK1151030025	Lành Văn	Hiếu	12/12/1993						8				1.0	Thiếu Ban
155	K125520201182	Đặng Văn	Hiếu	18/06/94	9	7	7	7	8			B		3.8	Thiếu Ban
156	K125520201183	Đinh Văn	Hiếu	3/5/1994	5	6	7	6	8	8	8	7	7	7.0	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
157	K125520207014	Dương Văn	Hiếu	6/8/1993	7									0.7	Thiếu Ban
158	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu	5/4/1994	7	6	6	6	7	6	6	8	4	6.2	Đạt
159	K125520201303	Lê Minh	Hiệu	22/03/94	8	9	6	7	7					3.7	Thiếu Ban
160	K125520216021	Nguyễn Tuấn	Hình	21/05/94	8	7	7	7	7	B	7	8	8	6.5	Thiếu Ban
161	K125520216291	Nguyễn Văn	Hòa	29/04/93	9	6	6	6	7					3.4	Thiếu Ban
162	K125520207066	Lâm Văn	Hoàn	11/6/1994	8	4	6	8	5					3.1	Thiếu Ban
163	K125520216234	Vũ Văn	Hoàn	8/3/1994	8	3	8	5	7					3.1	Thiếu Ban
164	DTK1051020636	Đỗ Minh	Hoàng	4/11/1987								6		0.8	Thiếu Ban
165	DTK1151020080	Tạ Huy	Hoàng	13/12/93	4	B	3	4	6					1.7	Thiếu Ban
166	DTK1151020306	Đặng Minh	Hoàng	4/7/1993	7		6	6	8			6		3.5	Thiếu Ban
167	K125520201146	Nguyễn Xuân	Hoàng	19/11/93	7		7	7	8		4	7		4.3	Thiếu Ban
168	K125520201188	Đinh Việt	Hoàng	29/10/94	6	6	7	8	6		8	8		5.3	Thiếu Ban
169	K125520201262	Đỗ Trọng	Hoàng	27/02/94	5	6	8	5	7	7		7		4.9	Thiếu Ban
170	K125520216026	Trương Thái	Hoàng	24/03/94	6	5	3	6	7	7	B	6	1	4.5	Thiếu Ban
171	K125520216290	Lê Ngọc	Hoàng	8/7/1994							B	B		0.0	Thiếu Ban
172	K125520216301	Quách Quý	Hoàng	9/3/1993	8	6	6	6	8					3.4	Thiếu Ban
173	K135520216081	Lê Minh	Hoàng	23/09/95		7								0.7	Thiếu Ban
174	K135520207020	Nguyễn Thị	Hội	4/4/1995		5	6	6	7			7		3.3	Thiếu Ban
175	K125520207108	Nguyễn Thị	Hợp	13/08/94	9	7	7	5	7					3.5	Thiếu Ban
176	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huân	15/09/92					7					0.7	Thiếu Ban
177	DTK1151010078	Mai Công	Huế	25/06/93	B		B	B	B		B	6		0.8	Thiếu Ban
178	K125520207016	Vì Thị	Huệ	25/01/94	7	3	6	6	7	9	7	7		5.8	Thiếu Ban
179	K125520207110	Ngô Thị	Huệ	28/05/93	8	8	7	5	6					3.4	Thiếu Ban
180	DTK1051020352	Tổng Thanh	Hùng	23/04/92	8		8	7	7	9	6	7	7	6.6	Thiếu Ban
181	DTK1151010446	Nguyễn Văn	Hùng	5/3/1993						B	KĐ	B	B	0.0	Thiếu Ban
182	DTK1151010673	Hà Văn	Hùng	15/02/93							7			0.9	Thiếu Ban
183	DTK1151030192	Lù Văn	Hùng	15/03/92								6		0.8	Thiếu Ban
184	K125140214003	Lê Việt	Hùng	24/08/94	6		6	6	8			B		2.6	Thiếu Ban
185	K125520201179	Hoàng Xuân	Hùng	6/12/1991	B		B							0.0	Thiếu Ban
186	K125520201180	Nguyễn Tuấn	Hùng	25/07/94	9	B	7	6	6					2.8	Thiếu Ban
187	K125520201254	Nguyễn Văn	Hùng	4/1/1994	7	8	6	8	6					3.5	Thiếu Ban
188	K125520216020	Phạm Đức	Hùng	17/10/94	6	5	8		7	KĐ	6	7	7	5.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
189	K125520216232	Vũ Xuân	Hùng	1/1/1993	8	8	7	8	7	6			5	5.2	Thiếu Ban
190	DTK1051020633	Tổng Văn	Hung	15/02/92	7		6	7	7					2.7	Thiếu Ban
191	DTK1151030026	Nguyễn Việt	Hung	13/12/93	9		8	6	7	8	7	4	5	6.0	Thiếu Ban
192	DTK1151030081	Ngô Văn	Hung	28/05/93	7		6	7	8				6	3.6	Thiếu Ban
193	K125520201091	Nguyễn Đắc	Hung	1/6/1994	9	5	B	B	6					2.0	Thiếu Ban
194	K125520201140	Nguyễn Ngọc	Hung	6/3/1994	9	7	8	5	7	8				4.6	Thiếu Ban
195	K125520201142	Nguyễn Quốc	Hung	27/09/94	8	5	6	8	6	8			7	5.2	Thiếu Ban
196	K125520201185	Vũ Tiến	Hung	13/09/89	8	8	8	7	6		6	8		5.5	Thiếu Ban
197	K125520201187	Phan Văn	Hung	20/09/94	6	8	7	6	7	8	B	7		5.3	Thiếu Ban
198	K125520207015	Lý Văn	Hung	8/10/1993	8	7	7	6	7					3.5	Thiếu Ban
199	K125520207113	Hoàng Văn	Hung	14/07/93	7	6	6	6	7					3.2	Thiếu Ban
200	K125520216023	Lưu Trung	Hung	12/11/1994	6		8	5						1.9	Thiếu Ban
201	K125520216024	Nguyễn Hữu	Hung	16/06/94						KĐ	6	7	7	2.5	Thiếu Ban
202	K125520216133	Nguyễn Bá	Hung	12/7/1993	6	8	8	6	6	8	7	8	8	7.3	Đạt
203	K125520216289	Ngô Văn	Hung	23/10/94	8	6	7	7	6	8			7	5.3	Thiếu Ban
204	DTK1151010442	Vũ Văn	Hương	30/10/93						1	B	8	7	2.0	Thiếu Ban
205	K125140214002	Nguyễn Thị	Hương	6/9/1993	6	8	7	6	6					3.3	Thiếu Ban
206	K125520207008	Hoàng Thị Thu	Hương	27/10/94	6	9	7	6	7					3.5	Thiếu Ban
207	DTK1151020075	Ngô Văn	Hướng	15/12/91					B			7		0.9	Thiếu Ban
208	K125520207060	Phan Văn	Hướng	23/05/94	5	5	6	7	6					2.9	Thiếu Ban
209	K125520207061	Nguyễn Hữu	Hướng	29/11/94	8	3	5	8	7					3.1	Thiếu Ban
210	K125520216287	Đinh Văn	Hướng	29/10/94	7	8	5	6	7	KĐ	B	7	B	4.2	Thiếu Ban
211	DTK1151010452	Nguyễn Quốc	Huy	11/8/1993						5	B	7	8	2.5	Thiếu Ban
212	K125520201024	Đinh Quang	Huy	23/07/94	6	8	6	7	7		6			4.2	Thiếu Ban
213	K125520201092	Nguyễn Quang	Huy	21/03/94	3	7	5	6	8					2.9	Thiếu Ban
214	K125520201263	Lường Văn	Huy	13/02/94	4	4	7	7	7	8	8	7	7	6.7	Đạt
215	K125520207069	Trần Văn	Huy	13/11/93	5	8	6	6	7		6	7		4.8	Thiếu Ban
216	K125520216027	Phạm Ngọc	Huy	17/06/94	8		8	8	7					3.1	Thiếu Ban
217	K125520216135	Ngô Văn	Huy	26/12/92	B		5	B						0.5	Thiếu Ban
218	K125520216179	Trần Phúc	Huy	17/07/94	4	7	5	9	8	8	7	B	9	6.3	Thiếu Ban
219	K125520201264	Dương Thị	Huyền	20/05/93	6	4	8	7	8		7			4.2	Thiếu Ban
220	K125520216236	Hoàng Văn	Huynh	27/09/94	7	7	4	7	9	6		8	5	5.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
221	K125520216136	Bùi Quang	Khải	24/04/94	5	3	3	5						1.6	Thiếu Ban
222	K125520201193	Phạm Công	Khân	12/4/1992	9	6	7	5	8					3.5	Thiếu Ban
223	K125520201266	Tạ Văn	Khanh	26/03/94		5	6	7	8					2.6	Thiếu Ban
224	K125520201094	Lâm Quốc	Khánh	8/6/1994	6	6	4	6	7					2.9	Thiếu Ban
225	K125520216030	Chu Huy	Khánh	5/12/1994						8	B	6		1.8	Thiếu Ban
226	K125520216031	Nguyễn Cao	Khánh	4/3/1994	6	8	4	6	7		B	7		4.0	Thiếu Ban
227	K125520216032	Phạm Duy	Khánh	27/10/94	4	5	3	7			6	7		3.5	Thiếu Ban
228	LAOS125001	Phouthakeo	Khemphone	12/6/1993	8	5	7	7						2.7	Thiếu Ban
229	K125520201095	Tô Phúc	Khiêm	1/11/1994	8	5	5	7	7					3.2	Thiếu Ban
230	DTK1151020434	Nguyễn Văn	Kiêm	30/11/91	6		8	7	8					2.9	Thiếu Ban
231	DTK0951020746	Nguyễn Ngọc	Kiệm	22/10/91			B						B	0.0	Thiếu Ban
232	DTK1051020281	Lê Trọng	Kiên	9/11/1992	7		5	6	7				8	3.5	Thiếu Ban
233	DTK1151020259	Chu Mạnh	Kiên	23/07/93		5	4		7					1.6	Thiếu Ban
234	K125520216035	Nguyễn Duy	Kiên	12/10/1994	7	B	B	7	7	B			8	3.1	Thiếu Ban
235	K125520216294	Nguyễn Trung	Kiên	8/7/1993	6	8	8	9	7	9		5		5.6	Thiếu Ban
236	LAOS095010	Chanthavong	Kongkham	15/08/90	6		8	7			8			3.1	Thiếu Ban
237	LAOS115003	Phongsavath	Ladthavran	22/10/93	8		7	7	8					3.0	Thiếu Ban
238	DTK1151030139	Lê Văn	Lâm	17/09/93	7		5	7	8					2.7	Thiếu Ban
239	K125520201028	Hoàng Đình	Lâm	11/9/1994	7	B	7	6	6					2.6	Thiếu Ban
240	K125520201269	Nguyễn Việt Tùng	Lâm	27/07/94	8	6	6	7	8	8			5	5.1	Thiếu Ban
241	K125520207111	Ngô Tuấn	Lâm	30/07/94	8	6	7	8	8					3.7	Thiếu Ban
242	K125520207120	Hứa Thị ánh	Lâm	13/11/94	9	B	6		7					2.2	Thiếu Ban
243	K125520216139	Triệu Tùng	Lâm	16/03/93	9	8	7	7	7		6	7	8	6.4	Thiếu Ban
244	K125520216295	Đoàn Văn	Lâm	6/10/1994	6	7	7	7	6			5		3.9	Thiếu Ban
245	K125520201029	Hoàng Ngọc	Lan	8/11/1993	8	8	8	6	7	7	7	8	6	7.2	Đạt
246	K125520214003	Dương Thị	Lan	6/1/1994	8	7	7	7	7		1	5	7	5.2	Thiếu Ban
247	K135520207097	Nguyễn Thị Thảo	Lan	8/9/1995	8	7		7						2.2	Thiếu Ban
248	DTK0951060180	Trần Thị	Lân	15/07/89	8		5	7						2.0	Thiếu Ban
249	K125520216240	Lương Thị	Linh	2/4/1993	5	B	7	6	7	8	6		7	5.1	Thiếu Ban
250	K135520216333	Trần Khánh	Linh	29/11/95		8								0.8	Thiếu Ban
251	K125520207076	Đầu Thị	Loan	1/7/1993	8	7	6	7	7	8			4	5.0	Thiếu Ban
252	K125520201143	Võ Duy	Lộc	5/5/1992	7	6	6	8						2.7	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
253	K125520207073	Trần Thế	Lộc	21/04/94	7	4	8	8	7					3.4	Thiếu Ban
254	K125520201030	Mai Minh	Long	3/8/1993	8	6	5	8	6					3.3	Thiếu Ban
255	K125520201099	Nguyễn Văn	Long	3/2/1994	6	6	5	8	6					3.1	Thiếu Ban
256	K125520201271	Nguyễn Ngọc	Long	19/10/94	5	6	7	6	6	8			6	4.8	Thiếu Ban
257	K125520207078	Tổng Văn	Long	10/5/1994	7	7	6	7	6	b			b	3.3	Thiếu Ban
258	DTK1051020461	Vũ Hoàng	Luân	20/11/91			B	B						0.0	Thiếu Ban
259	K125520207080	Đỗ Thành	Luân	5/6/1992	7		8	B	7					2.2	Thiếu Ban
260	DTK1151020198	Trương Tuấn	Lực	14/04/93	6	6		6	6	8	6	4	7	5.5	Thiếu Ban
261	K125520207019	Dương Văn	Lực	24/07/94	8	7	8	6	7	B	B	B	B	3.6	Thiếu Ban
262	DTK1151020087	Chu Văn	Lượng	6/8/1993	8	B	5	5	6					2.4	Thiếu Ban
263	K125520216043	Đinh Thị	Ly	16/01/94	8	8	5	7	7	6	6	8	7	6.9	Đạt
264	K125520201032	Đỗ Thị	Lý	27/05/94			8							0.8	Thiếu Ban
265	K125140214014	Bùi Hoàng	Mai	1/12/1994	7		7		7					2.1	Thiếu Ban
266	DTK1151020498	Nguyễn Văn	Mạnh	27/11/93	7						6			1.5	Thiếu Ban
267	K125520201033	Ngô Văn	Mạnh	3/10/1992	5	B	0		6					1.1	Thiếu Ban
268	K125520201291	Vũ Tiến	Mạnh	6/5/1993				6						0.6	Thiếu Ban
269	K125520214011	Nguyễn Hữu	Mạnh	5/1/1994	6		8	7	6		6	8	6	5.2	Thiếu Ban
270	K125520216141	Hoàng Văn	Mùi	13/02/92	7		7							1.4	Thiếu Ban
271	DTK1151020091	Nguyễn Văn	Nam	2/4/1993	7	7	6	6	6	8			7	5.1	Thiếu Ban
272	DTK1151020267	Trần Anh	Nam	10/2/1993						7				0.9	Thiếu Ban
273	DTK1151030144	Hoàng Văn	Nam	5/3/1992			8							0.8	Thiếu Ban
274	K125520201035	Nguyễn Phương	Nam	27/06/94	8				6					1.4	Thiếu Ban
275	K125520207041	Vũ Ngọc	Nam	18/07/94	8	7	6	5	6					3.2	Thiếu Ban
276	K125520216047	Nguyễn Thanh	Nam	9/2/1994	5	8	5	7	7	B	6	8	7	5.8	Thiếu Ban
277	K125520216049	Phạm Thành	Nam	19/06/94	7			6	B	7	7	6	7	4.7	Thiếu Ban
278	K125520216310	Nguyễn Hoàng	Nam	11/4/1994	7		7	7	8					2.9	Thiếu Ban
279	K125520201273	Phạm Văn	Nam	2/4/1993	8	6	4	5	6					2.9	Thiếu Ban
280	K125520207021	Trần Thị	Ngân	3/4/1994	8	8	5	7	8					3.6	Thiếu Ban
281	K125520216081	Lê Quang	Nghĩa	7/2/1993	6	7	5	6	7	KĐ		7	7	4.9	Thiếu Ban
282	K125520216092	Ninh Chí	Nghĩa	8/12/1994	6	5	3	6	5		B	7		3.4	Thiếu Ban
283	K125520216088	Nguyễn Xuân	Ngọc	2/9/1994	8	7		8	5					2.8	Thiếu Ban
284	K125520216142	Nguyễn Văn	Ngọc	9/5/1994	8	8	7	6	8					3.7	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
285	K125520216302	Lê Thế	Ngọc	10/12/1994	7		7	7	7					2.8	Thiếu Ban
286	K125510604066	Chu Thị	Nguyệt	30/04/94	5	6	7	5	8					3.1	Thiếu Ban
287	DTK1151020037	Mai Đức	Nhâm	11/5/1992									8	1.0	Thiếu Ban
288	K125520216143	Đinh Khắc	Nhật	21/06/94	7		7	7	8					2.9	Thiếu Ban
289	K125520216243	Lê Quang	Nhật	20/11/94	7		7	6	7					2.7	Thiếu Ban
290	K125520216308	Nguyễn Tiến	Nhật	1/11/1994	8	7	7	5	5			KĐ		3.2	Thiếu Ban
291	114112006	Vũ Hải	Nhi	28/10/94	8		6	7	7		5	6		4.2	Thiếu Ban
292	K125520201037	Nguyễn Thị	Nhi	2/2/1993	8	8	7	8	7	8	8	7	7	7.6	Đạt
293	K125520201106	Dương Thị Thanh	Nhung	7/12/1994	6	6	8	7	6	8	6	8	6	6.8	Đạt
294	K125520201275	Vũ Xuân	Ninh	2/5/1994	8	8	6	7	8					3.7	Thiếu Ban
295	K125520216144	Bùi Văn	Ninh	27/06/93	8	3	0	B	B					1.1	Thiếu Ban
296	K125520201038	Giáp Thị	Oanh	16/06/94	8	8	6	7	8	8	6	8	8	7.5	Đạt
297	K125520207024	Nguyễn Thu	Oanh	8/9/1993	8	7	6	7	7	8	8	6	7	7.1	Đạt
298	LAOS115010	Olot	Phetmanyvong	17/03/94	6	5	7	8	6					3.2	Thiếu Ban
299	K125520201108	Vũ	Phi	18/03/94	7	8	5	7	6					3.3	Thiếu Ban
300	LAOS115005	Alavin	Philavong	6/5/1993	6	5								1.1	Thiếu Ban
301	K125520201040	Phổng Chàn	Phin	20/04/94	6	7	8		7					2.8	Thiếu Ban
302	LAOS115016	Saithong	PhonBounphen	3/2/1990	5	5	5	8	6					2.9	Thiếu Ban
303	DTK1151030207	Phùng Văn	Phong	13/11/93	8						8			1.8	Thiếu Ban
304	K125520201277	Đinh Văn	Phong	27/09/94		5		7	7					1.9	Thiếu Ban
305	DTK1151020097	Hồ Việt	Phuong	2/10/1993				b	7					0.7	Thiếu Ban
306	K125520216100	Mai Hồng	Phuong	20/04/94	7	8	8	6	7	B	6			4.4	Thiếu Ban
307	K125520216245	Chu Văn	Phuong	15/09/93	5	5	4	6	7	6		9	6	5.3	Thiếu Ban
308	DTK1151020146	Phan Đình	Quân	14/05/93	B	8	7	6	7					2.8	Thiếu Ban
309	K125520201144	Ngô Hồng	Quân	7/11/1994	7	8	7	7	7		6	7		5.2	Thiếu Ban
310	K125520216247	Trương Hồng	Quân	10/7/1994	8	8	5	6	8					3.5	Thiếu Ban
311	DTK1151010513	Nguyễn Đăng	Quang	10/5/1992						7	6			1.6	Thiếu Ban
312	K125140214022	Nguyễn Văn	Quang	20/08/94	7			7	7					2.1	Thiếu Ban
313	K125520201109	Đặng Văn	Quang	25/09/94	8	5	7	5	5					3.0	Thiếu Ban
314	K125520216147	Nguyễn Hào	Quang	13/08/94	7	8	5	6	7	B	6	8		5.1	Thiếu Ban
315	K125520201278	Đỗ Văn	Quảng	11/10/1994	8	8	7	7	7	8	6	7	5	7.0	Đạt
316	K125520214005	Vũ Văn	Quý	5/8/1993	8	7	8	8	8					3.9	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
317	K125520216148	Phạm Thanh	Quý	28/03/93	7	8	7	8	8					3.8	Thiếu Ban
318	K125520201205	Lương Ngọc	Quyền	5/5/1994	9	6	6	6	7	KĐ	B	7		4.3	Thiếu Ban
319	K125520216192	Nguyễn Đức	Quyền	21/01/92	6	6	5	6	6					2.9	Thiếu Ban
320	K125520201279	Vũ Văn	Quyết	10/12/1994	6	7	8	6	5	7			5	4.7	Thiếu Ban
321	K125520201110	Phùng Văn	Quỳnh	30/10/94	7	6	5	6	6					3.0	Thiếu Ban
322	K125520201041	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	27/08/94	8	8	7	8	6	8			7	5.6	Thiếu Ban
323	K125520207109	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/05/93	9	7	8	6	6	8			7	5.5	Thiếu Ban
324	K125520201206	Vũ Mạnh	Ruy	30/04/93	8									0.8	Thiếu Ban
325	DTK1051020662	Phạm Đình	Sáng	16/06/92			5	6		8			8	3.1	Thiếu Ban
326	K125520216249	Nguyễn Văn	Sáng	4/10/1994	5	4	8	6	7				7	3.9	Thiếu Ban
327	LAOS095015	Kommadam	Singthong	5/9/1991		8								0.8	Thiếu Ban
328	K125520216252	Lương Gia	Sớm	1/2/1994	7		7	7	7		6	9	4	5.2	Thiếu Ban
329	LAOS095028	Somchanmavong	Somsack	1/9/1986			7		7					1.4	Thiếu Ban
330	LAOS095016	Phimphisane	Somsamai	21/09/86				6						0.6	Thiếu Ban
331	K125520207118	Lường Thị	Son	15/01/94	6	8	7	7	7					3.5	Thiếu Ban
332	DTK1051020571	Lương Hồng	Son	1/5/1992	7	7	5	6						2.5	Thiếu Ban
333	K125520201044	Đinh Văn	Son	22/10/94	7		b							0.7	Thiếu Ban
334	K125520201111	Đỗ Xuân	Son	26/01/94	4	5	7	6	7					2.9	Thiếu Ban
335	K125520201112	Phạm Văn	Son	18/08/94	5	5	7	6	7					3.0	Thiếu Ban
336	K125520201113	Hứa Thế	Son	29/12/94	5	7		5	7					2.4	Thiếu Ban
337	K125520207088	Nguyễn Ngọc	Son	6/1/1994	6		7	6	7					2.6	Thiếu Ban
338	K125520216056	Nguyễn Ngọc	Son	1/7/1994	7	8	7	7	8					3.7	Thiếu Ban
339	K125520216057	Phạm Thái	Son	18/12/94	7	7		6	5					2.5	Thiếu Ban
340	K125520216151	Hoàng Hồng	Son	20/02/94	4	6	6	5						2.1	Thiếu Ban
341	K125520216195	Nguyễn Đức	Son	17/09/94	8	7	7	7	5					3.4	Thiếu Ban
342	K125520201045	Thào A	Su	12/3/1994	8	B								0.8	Thiếu Ban
343	K125520216152	Nguyễn Đức	Sỹ	20/12/94	8	8	7	7	7					3.7	Thiếu Ban
344	K125520201114	Vũ Văn	Tài	6/5/1994	8		7	7	7					2.9	Thiếu Ban
345	K125520201282	Đặng Thế	Tam	25/06/94	7	7	6	7	7					3.4	Thiếu Ban
346	114112003	Quảng Văn	Tâm	6/11/1994			7	7	7	7				3.0	Thiếu Ban
347	K125520201115	Triệu Văn	Thái	25/11/94		4	b	7	b				8	2.1	Thiếu Ban
348	K125520201283	Hà Văn	Thái	15/10/94	8	5	7	7	8					3.5	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
349	K125520201284	Vũ Hữu	Thái	1/9/1993	7	6	8	6	6					3.3	Thiếu Ban
350	K125520207026	Phạm Văn	Thái	12/10/1994	7	8	6	6	7					3.4	Thiếu Ban
351	K125520216197	Nguyễn Đức	Thái	11/9/1993	7	8	8	6	6					3.5	Thiếu Ban
352	K125520216253	Nguyễn Văn	Thắng	24/02/93	8	7	4	7	6			7		4.1	Thiếu Ban
353	DTK0951060202	Đỗ Mạnh	Thắng	19/03/91							4			0.5	Thiếu Ban
354	K125520201049	Nguyễn Hữu	Thắng	8/4/1994	8	8		7	8					3.1	Thiếu Ban
355	K125520201117	Nguyễn Kim	Thắng	6/8/1994	5	7	6	7	7					3.2	Thiếu Ban
356	K125520201118	Trần Duy	Thắng	15/08/93	4	5	7	7	7					3.0	Thiếu Ban
357	K125520201302	Ngô Văn	Thắng	18/05/94	4	6	5	5	8	8	7			4.7	Thiếu Ban
358	K125520216155	Đào Xuân	Thắng	12/11/1994	6	8	7	7	6	8	3	7		5.7	Thiếu Ban
359	DTK1151020157	Nguyễn Viết	Thanh	26/10/92	7	7	5	7	7	7			7	5.1	Thiếu Ban
360	DTK1151020453	Nguyễn Duy	Thanh	25/10/92	B		B	B	B					0.0	Thiếu Ban
361	K125520201285	Hoàng Trường	Thanh	14/04/94	4	7	7	7	6					3.1	Thiếu Ban
362	K125520216060	Nguyễn Ngọc	Thanh	2/3/1993	7	7	8		7	B	7	6	7	5.4	Thiếu Ban
363	K125520216061	Nguyễn Duy	Thanh	6/12/1994	6	7	6	6		9	7	8	9	6.6	Thiếu Ban
364	DTK1151010256	Trần Văn	Thành	23/05/93						7	6			1.6	Thiếu Ban
365	K125520201211	Trần Văn	Thành	24/04/94	B	6	8	7	5					2.6	Thiếu Ban
366	K125520201309	Nguyễn Văn	Thành	3/3/1994	3	9	7	7	6	KĐ		6	8	5.0	Thiếu Ban
367	K125520207027	Nguyễn Tiên	Thành	10/10/1994	4		5	7	6					2.2	Thiếu Ban
368	K125520207091	Lê Văn	Thành	9/10/1994	7		6	6	7	8	7	7	5	6.0	Thiếu Ban
369	K125520207092	Nguyễn Trung	Thành	14/10/94	7	5	7	7	5					3.1	Thiếu Ban
370	K125520216154	Nguyễn Văn	Thành	24/07/1994						8	6	5	7	3.3	Thiếu Ban
371	K125520216154	Nguyễn Văn	Thành	24/07/94	7	8		7	7					2.9	Thiếu Ban
372	K125580205061	Hà Thị	Thảo	4/12/1994	8		6	7	8			6		3.7	Thiếu Ban
373	K125520201153	Vũ Văn	Thế	26/03/94	8	6	8	6	7					3.5	Thiếu Ban
374	DTK1151010367	Trần Xuân	Thế	3/9/1992						8				1.0	Thiếu Ban
375	K125520216257	Ma Khánh	Thêm	30/01/94	8	6	B	7	7	9	1	6	7	5.7	Thiếu Ban
376	LAOS115006	Souliya	Thepvongsa	14/03/94	7	8								1.5	Thiếu Ban
377	K125520207095	Trần Văn	Thi	27/10/93	7	8	6	8	6					3.5	Thiếu Ban
378	K125520201150	Nguyễn Phúc	Thiêm	4/10/1994	7		4	6						1.7	Thiếu Ban
379	DTK1151020212	Chu Bá	Thiện	20/05/92	B	5	6	5	7					2.3	Thiếu Ban
380	K125520201119	Phạm Quang	Thiện	20/07/94	8	6	5	7	8		4	7		4.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
381	K125520207030	Ma Văn	Thiện	12/12/1994				7						0.7	Thiếu Ban
382	K125520207096	Nguyễn Văn	Thiện	1/12/1994	5	5	7	8	7					3.2	Thiếu Ban
383	K125520216063	Vũ Đức	Thiện	27/10/94	6			7	5					1.8	Thiếu Ban
384	K125520216258	Nguyễn Quang	Thiện	8/5/1993	8	4	6	6	8	KĐ	5	6	7	5.5	Thiếu Ban
385	DTK1151010586	Vũ Ngọc	Thiệt	13/01/91			B	B				B		0.0	Thiếu Ban
386	DTK1151020213	Hoàng Văn	Thiệt	20/05/93	B									0.0	Thiếu Ban
387	K125520216158	Hồ Ngọc	Thiệt	15/06/93	7	7	8	7	6					3.5	Thiếu Ban
388	DTK1151020103	Nguyễn Đăng	Thịnh	22/06/93							4	6		1.3	Thiếu Ban
389	DTK1151030215	Lê Minh	Thịnh	10/8/1992	7		7	6	8					2.8	Thiếu Ban
390	K125520201052	Phạm Xuân	Thịnh	2/9/1993	8		5	6	8	8			4	4.2	Thiếu Ban
391	K135520214057	Vũ Thị	Thịnh	18/04/95	9		5	7						2.1	Thiếu Ban
392	DTK1051020484	Nguyễn Đình	Thọ	18/04/91				B	B					0.0	Thiếu Ban
393	DTK1151030159	Hứa Trường	Thọ	6/3/1993	8		7	6	8				7	3.8	Thiếu Ban
394	K125520201050	Dương Văn	Thọ	29/09/94	6	6	7	4	8					3.1	Thiếu Ban
395	K125520201141	Nguyễn Văn	Thoại	18/05/94	4	8	8	6						2.6	Thiếu Ban
396	K125520201047	Trương Thị	Thơm	9/11/1993	7		8	7	7	8			7	4.8	Thiếu Ban
397	K125520216080	Vũ Thị Hoài	Thu	13/09/94	6	7	KĐ	7	6					2.6	Thiếu Ban
398	K125520216064	Nguyễn Văn	Thụ	27/05/1994	6	9	6	7	6	8	7		8	6.3	Thiếu Ban
399	DTK1151010725	Lưu Văn	Thức	14/03/93								5		0.6	Thiếu Ban
400	K125520207112	Lê Thị Thanh	Thúy	8/3/1994	7	8	7	8	6					3.6	Thiếu Ban
401	K125520216259	Phan Ngọc	Thủy	29/09/93	8	4	7	7	8	8	8	7	7	7.2	Đạt
402	DTK1051010787	Lê Đăng	Tiến	14/10/92									6	0.8	Thiếu Ban
403	DTK1151010480	Lâm Văn	Tiến	11/3/1993							6			0.8	Thiếu Ban
404	K125520201125	Phạm Văn	Tiến	18/07/93	7	8	6	8	7			7		4.5	Thiếu Ban
405	K125520201291	Vũ Mạnh	Tiến	6/5/1993	5	6	8	6	7	8			3	4.6	Thiếu Ban
406	K125520201298	Phạm Hữu	Tính	5/2/1994	7	6	2	8	7	6	8	8	6	6.5	Đạt
407	DTK1151030044	Đặng Văn	Tinh	7/1/1993	6		7	8					7	3.0	Thiếu Ban
408	DTK1151030110	Phạm Văn	Tinh	24/03/92						8	7	B	6	2.6	Thiếu Ban
409	DTK1151010102	Nguyễn Duy	Toàn	29/06/93	b	8	5	7	5			b		2.5	Thiếu Ban
410	DTK1151020461	Đỗ Văn	Toàn	15/05/93	7	8	6	7	5					3.3	Thiếu Ban
411	K125520201057	Nguyễn Tuấn	Toàn	11/6/1994	8	8			7					2.3	Thiếu Ban
412	K125520201058	Lê Văn	Toàn	27/08/94	6	8	5	5		8		7	6	5.0	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
413	K125520201293	Thân Đình	Toàn	3/11/1994	8	7	8	7	8	7		7	6	6.3	Thiếu Ban
414	K125520216097	Hàn Khánh	Toàn	20/08/94	7	7	7	7	8	8	6	8	8	7.4	Đạt
415	DTK1051060087	Vũ Bá	Toàn	19/06/92							4			0.5	Thiếu Ban
416	K125520207098	Lê Minh	Toàn	27/04/94	8	8	5	7	8					3.6	Thiếu Ban
417	K125520207033	Lăng Thị Thùy	Trang	1/8/1994	8	8	8	7	7	8			6	5.6	Thiếu Ban
418	K125520216089	Trần Minh	Trí	22/03/94	9	7	5	5	8					3.4	Thiếu Ban
419	K125520201127	Nguyễn Tiến	Trọng	9/12/1994	8	8		6	5					2.7	Thiếu Ban
420	K125520207107	Hắc Ngọc	Trúc	1/4/1994	8	6	6	7	8					3.5	Thiếu Ban
421	DTK0951010749	Nguyễn Thành	Trung	30/07/91									8	1.0	Thiếu Ban
422	K125520103457	Đặng Công	Trung	18/03/94	7		6	7	7					2.7	Thiếu Ban
423	K125520201060	Mạc Đình	Trung	30/06/94	8		8	6	8		8	6		4.8	Thiếu Ban
424	K125520201061	Nguyễn Thành	Trung	17/08/93				5						0.5	Thiếu Ban
425	K125520201129	Đình Quang	Trung	22/09/94	8		7	7	7	7	6			4.5	Thiếu Ban
426	K125520201130	Đặng Đình	Trung	15/06/94	8		5	7	7				8	3.7	Thiếu Ban
427	K125520216071	Nguyễn Văn	Trung	7/5/1994	8	7	7	7	8		8			4.7	Thiếu Ban
428	K125520216084	Nông Thế	Trung	9/9/1994	7	5	7	6	7					3.2	Thiếu Ban
429	K125520216266	Trịnh Quang	Trung	14/02/94	8		6	7	7		7	7		4.6	Thiếu Ban
430	DTK1151020471	Lý Xuân	Trường	6/6/1993	7									0.7	Thiếu Ban
431	K125520103167	Lục Quảng	Trường	15/10/94	8									0.8	Thiếu Ban
432	K125520201059	Linh Văn	Trường	16/08/94	9	9	8	6	7		6			4.7	Thiếu Ban
433	K125520201128	Nguyễn Công	Trường	10/8/1994	7	7	5	5	7					3.1	Thiếu Ban
434	K135520216054	Trần Duy	Trường	14/10/95	7	7	6	7						2.7	Thiếu Ban
435	DTK1051030273	Ngô Thanh	Tú	7/9/1992		7	5							1.2	Thiếu Ban
436	K125520207032	Nông Thị Cẩm	Tú	21/12/94						KĐ	B	5	7	1.5	Thiếu Ban
437	K125520216163	Đỗ Ngọc	Tú	14/05/93	8	7	6	6	8					3.5	Thiếu Ban
438	DTK0851040059	Luân Quang	Tuân	26/07/90	8		8	7	7			7		3.9	Thiếu Ban
439	K125520201296	Đình Văn	Tuân	17/10/94	7	8	5	7	7					3.4	Thiếu Ban
440	DTK0951060059	Khảm Văn	Tuấn	7/12/1991									7	0.9	Thiếu Ban
441	DTK1151020169	Trần Minh	Tuấn	10/9/1993	9	7	6	7	6					3.5	Thiếu Ban
442	DTK1151030167	Dương Văn	Tuấn	8/1/1993	5			B	7					1.2	Thiếu Ban
443	K125520201131	Đặng Văn	Tuấn	17/01/94	6		6	6	7					2.5	Thiếu Ban
444	K125520201223	Nguyễn Văn	Tuấn	3/10/1994	6	8	8	5	7	9	7	B	7	6.3	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Ngươi	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
445	K125520201297	Nguyễn Mạnh	Tuấn	15/05/93	5	4	7	6	6		7			3.7	Thiếu Ban
446	K125520207040	Hoàng Anh	Tuấn	2/4/1993	7	7	5	6	7					3.2	Thiếu Ban
447	K125520216072	Dương Anh	Tuấn	20/08/84		6								0.6	Thiếu Ban
448	K125520216074	Nguyễn Lâm	Tuấn	25/12/94	6	B	6	5	7					2.4	Thiếu Ban
449	K125520216075	Phan Văn	Tuấn	8/11/1993	4	6	7	6		9	8		5	5.1	Thiếu Ban
450	K125520216210	Trương Văn	Tuấn	14/11/94	6	7	6	6	B					2.5	Thiếu Ban
451	K125520216211	Phùng Mạnh	Tuấn	12/4/1994	7	6	5	1		B	B	7	7	3.7	Thiếu Ban
452	K135520216058	Nguyễn Minh	Tuấn	12/12/1995		8	8	6	7					2.9	Thiếu Ban
453	K125520216268	Vũ Khắc	Tuất	3/11/1994	8	8	8	7	6	8	5	8	9	7.5	Đạt
454	K125520216168	Đào Minh	Tuệ	27/01/94	7	7	8	6	7					3.5	Thiếu Ban
455	DTK1051020352	Tổng Thanh	Tùng	23/04/92		7								0.7	Thiếu Ban
456	DTK1151030161	Nguyễn Tiến	Tùng	4/9/1993	6	5		6	8			8		3.5	Thiếu Ban
457	DTK1151030306	Trần Văn	Tùng	3/11/1993						KĐ		7		0.9	Thiếu Ban
458	K125520201053	Dương Thanh	Tùng	15/07/94	8			7	7					2.2	Thiếu Ban
459	K125520201123	Đào Tiến	Tùng	21/05/94	6		7	5	7		4			3.0	Thiếu Ban
460	K125520201214	Nguyễn Trí	Tùng	2/7/1994	7	8	8	8	7	8		B	7	5.7	Thiếu Ban
461	K125520201289	Lê Nguyên	Tùng	6/6/1993	8	7	2	7	7	b	6	b	6	4.6	Thiếu Ban
462	K125520201307	Đào Gia	Tùng	10/4/1993	8	7	8	6	8	8	8	7	7	7.5	Đạt
463	K125520216068	Triệu Sơn	Tùng	23/12/94	7			6	7	7	7	6	8	5.5	Thiếu Ban
464	K125520216204	Vũ Việt	Tùng	3/12/1994	6	b	5	8	9			4		3.3	Thiếu Ban
465	K125520216261	Ngô Văn	Tùng	10/5/1994		3	0	B						0.3	Thiếu Ban
466	DTK1151010422	Lê Công	Tước	7/5/1993			B							0.0	Thiếu Ban
467	DTK1151020400	Bế Văn	Tướng	25/04/91	8		8		6					2.2	Thiếu Ban
468	K125520201064	Nguyễn Thị	Tuyền	12/9/1993	7	8	7	7	7		8	9		5.7	Thiếu Ban
469	K125520201133	Nguyễn Văn	Tuyền	24/08/94	3	8	5	6	6					2.8	Thiếu Ban
470	K125520207101	Chu Thị	Tuyết	22/02/94	9	7	4	6	6	8	6	7	7	6.7	Đạt
471	K125510601044	Nguyễn Thị	Vân	8/2/1994	8	5	8	7	7					3.5	Thiếu Ban
472	K125520201134	Nguyễn Đình	Văn	16/02/92	7		B	7	7					2.1	Thiếu Ban
473	K125520201067	Trịnh Xuân	Viên	12/3/1994	8		8	7	8					3.1	Thiếu Ban
474	K125520201067	Trịnh Xuân	Viên	12/3/1994		8								0.8	Thiếu Ban
475	DTK1151030169	Hà Đức	Việt	2/7/1993	B	5	B	6	B	KĐ	7	8		3.0	Thiếu Ban
476	K125520201137	Phạm Văn	Việt	8/11/1994	6	b	b	6	7	8	8	b	b	3.9	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
477	K125520201226	Phan Việt	Việt	19/11/93	8	7	8	7	7	7	7	6	8	7.2	Đạt
478	K125520201300	Khổng Tiến	Việt	29/05/94	7	7	5	8						2.7	Thiếu Ban
479	K125520207104	Phạm Tuấn	Việt	18/05/94	7	b	8	5	8					2.8	Thiếu Ban
480	K125520216077	Lê Quang	Việt	15/09/92	6	6	B	7						1.9	Thiếu Ban
481	K125520216170	Vũ Ngọc	Việt	13/05/94	6	6	7	8	8					3.5	Thiếu Ban
482	K125520216270	Trần Đức	Việt	5/6/1994	6	6			7		7	8		3.8	Thiếu Ban
483	DTK1151020348	Bùi Trọng	Vinh	10/5/1992	6		6	7	6					2.5	Thiếu Ban
484	DTK1151030225	Đặng Minh	Vĩnh	23/08/93				6		8	8	7	7	4.4	Thiếu Ban
485	DTK1051020329	Nguyễn Tuấn	Vũ	10/10/1992	7									0.7	Thiếu Ban
486	DTK1151010652	Nguyễn Quang	Vũ	29/09/93							8			1.0	Thiếu Ban
487	K125520207036	Nguyễn Văn	Vũ	15/03/94	7	7	7	7	6					3.4	Thiếu Ban
488	K125520216171	Vi Thị	Vui	16/10/94	8	7	7	7	7					3.6	Thiếu Ban
489	K125520216169	Trần Văn	Vượng	17/10/94	4	8	8	7	8			8	5	5.1	Thiếu Ban
490	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	18/05/1993	4	7	7			6			5	3.2	Thiếu Ban
491	K125520207122	Sùng Thị	Xú	10/8/1994	6	7	5	7	7					3.2	Thiếu Ban
492	K125520216079	Nguyễn Đắc	Yên	9/1/1994	6		8	7			7		7	3.9	Thiếu Ban
493	K125520207038	Nguyễn Thu	Yến	25/06/93	6	8	8	7	8					3.7	Thiếu Ban

Ấn định danh sách: 493 SV